

HĐTL VN30 - KIỂM NGHIỆM KHÁNG CỰ MẠNH 875-880 ĐIỂM



MBS Research | **BẢN TIN PHÁI SINH** | 20/02/2020

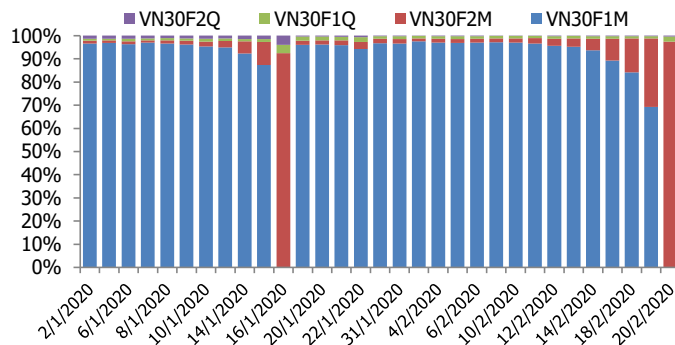
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2002 | 20/2/2020 | 0 | 871.70 | - |
| VN30F2003 | 19/3/2020 | 28 | 870.20 | 10,403 |
| VN30F2006 | 18/6/2020 | 119 | 873.40 | 237 |
| VN30F2009 | 17/9/2020 | 210 | 875.00 | 40 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường chứng khoán trong nước tiếp đà hồi phục sang phiên thứ 2 liên tiếp, chất xúc tác hỗ trợ đà tăng phiên này thuộc về nhóm cổ phiếu Vingroup. Trong đó, VIC tăng 4,8%, VHM tăng 1,05% và VRE tăng 2,49% đã đóng góp 6,48 điểm vào mức tăng của VN-Index. Các cổ phiếu lớn như VPB, HPG, SAB, POW, REE...cũng đồng loạt tăng giá giúp đà tăng của chỉ số được nới rộng. Thanh khoản thị trường được đẩy lên mức cao nhất 10 phiên vừa qua, giá trị khớp lệnh đạt 2.803 tỷ đồng. Giao dịch khối ngoại không thực sự tích cực khi họ bán ròng 357 tỷ đồng trên toàn thị trường, đây là phiên bán ròng thứ 8 liên tiếp.
- Đà phục hồi trên thị trường giao dịch HĐTL tiếp tục được kéo dài sang phiên thứ 2 với cả 3 hợp đồng còn được giao dịch trên thị trường đóng cửa ghi nhận mức tăng từ 7,4 đến 8 điểm, tương đương với mức tăng 7,5 điểm của chỉ số cơ bản VN30. Do đó, basis của các hợp đồng thay đổi không đáng kể so với phiên liền trước. Về cơ bản, thị trường củng cố đà phục hồi sau 2 phiên tăng mạnh nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, Vingroup. Thanh khoản đã tăng lên mức cao nhất 10 phiên vừa qua và dòng tiền lan tỏa ở nhiều nhóm ngành là tín hiệu tích cực nhất lúc này. Các chỉ số có khả năng duy trì đà tăng để hướng tới mục tiêu ngắn hạn ở 880 điểm.
- Về mặt kỹ thuật, VN30-Index tăng điểm với khối lượng vượt trung bình 20 ngày. Tuy nhiên, chỉ số có thể rung lắc khi kiểm định vùng kháng cự 875-880 điểm trong những phiên tới.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

Chỉ số có thể rung lắc khi kiểm định vùng kháng cự 875-880 điểm trong những phiên tới. Hoạt động Short có thể mở ra nếu chỉ số kiểm nghiệm không thành công vùng cản trên. Hoạt động Long xét xét tại vùng hỗ trợ thấp hơn 863-866 điểm

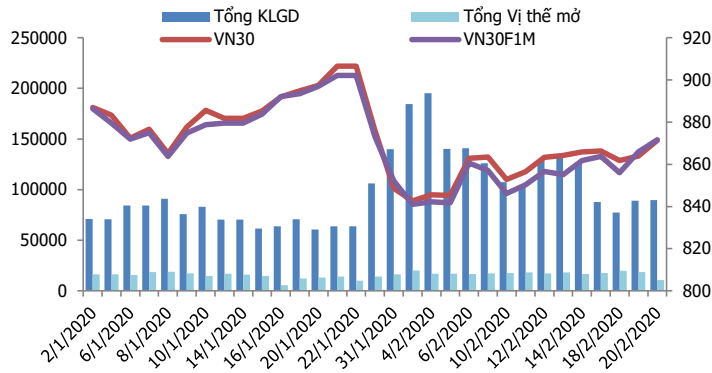
Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Chỉ số vẫn đang biến động với những phiên tăng giảm đan xen, do đó, hoạt động nắm giữ qua đêm chưa được khuyến khích.

Chiến lược giao dịch spread

Kiên nhẫn chờ đợi những tín hiệu giao dịch chênh lệch giá rõ ràng hơn.

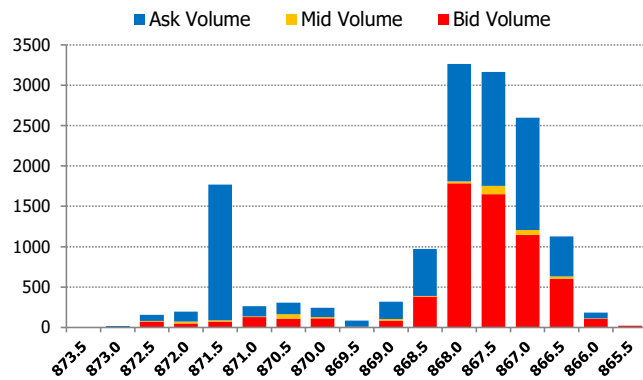
DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HĐTL



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|-------|-------|--------|-------|--------|--------|
| VN30F2002 | 871.7 | 1.14 | 64,539 | -22.0 | - | -100.0 |
| VN30F2003 | 870.2 | 0.41 | 25,026 | 304.8 | 10,403 | 91.3 |
| VN30F2006 | 873.4 | 0.34 | 141 | 281.1 | 237 | 20.9 |
| VN30F2009 | 875.0 | 0.35 | 76 | 406.7 | 40 | 37.9 |
| Tổng | | | 89,782 | 0.9 | 10,680 | -42.0 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Đà phục hồi trên thị trường giao dịch HĐTL tiếp tục được kéo dài sang phiên thứ 2 với cả 3 hợp đồng còn được giao dịch trên thị trường đồng cửa ghi nhận mức tăng từ 7,4 đến 8 điểm, tương đương với mức tăng 7,5 điểm của chỉ số cơ bản VN30. Do đó, basis của các hợp đồng thay đổi không đáng kể so với phiên liền trước.
- Thanh khoản thị trường tương đương so với phiên trước, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt 89.782 hợp đồng. Trong đó, thanh khoản tập trung nhiều ở hợp đồng tháng 2 với 64.539 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo cho phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2002 là 871,40 điểm (thấp hơn -0,3 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2003 là 875,30 điểm (+5,10 điểm), VN30F2006 là 888,11 điểm (+14,71 điểm) và VN30F2009 là 901,11 điểm (+26,11 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng kết | BUY | BUY | BUY |
| Hỗ trợ | 863-866 | 856-860 | 852-858 |
| Kháng cự | 870-873 | 872-875 | 877-884 |

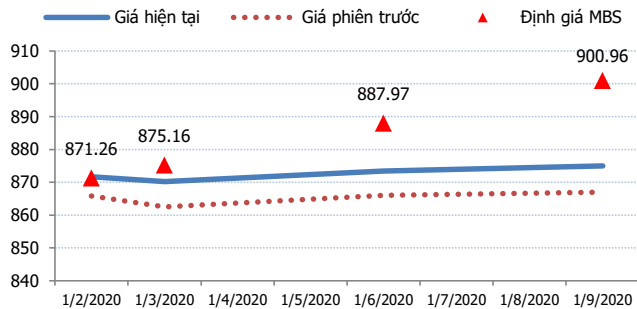
ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



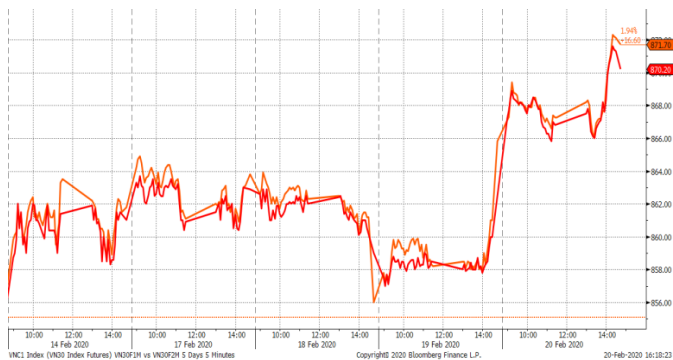
DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|------|
| VN30F2M - VN30F1M | -1.5 | -3.30 | 1.8 | -0.7 |
| VN30F1Q - VN30F1M | 1.7 | 0.20 | 1.5 | 3.18 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 3.2 | 3.50 | -0.3 | 3.88 |
| VN30F2Q - VN30F1M | 3.3 | 1.20 | 2.1 | 4.9 |
| VN30F2Q - VN30F2M | 4.8 | 4.50 | 0.3 | 5.6 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | 1.6 | 1.00 | 0.6 | 1.72 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



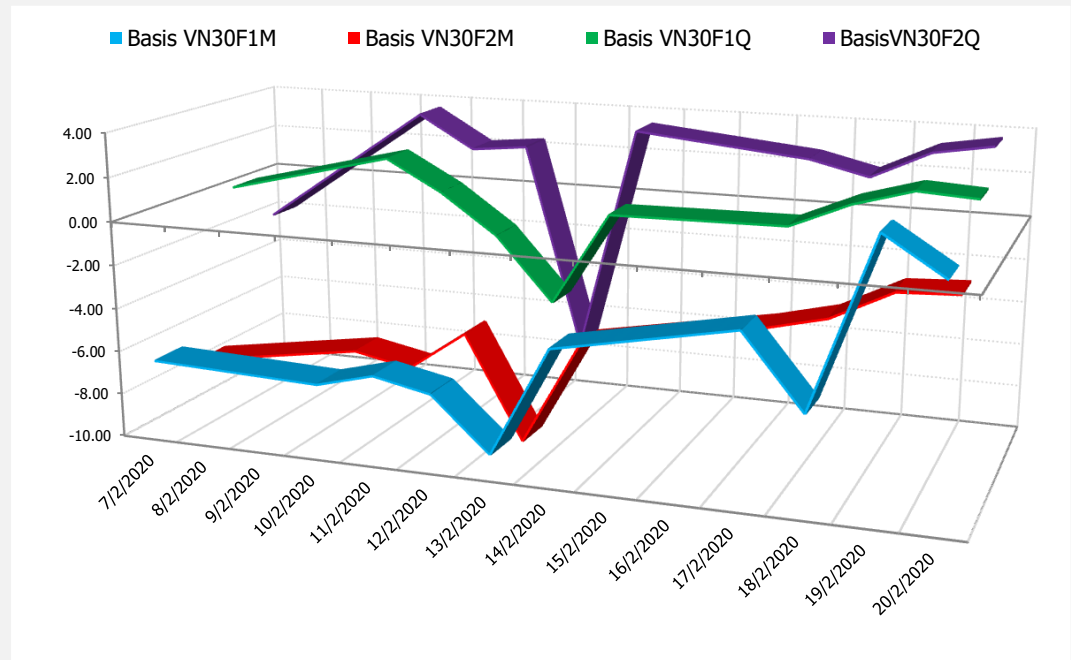
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Đà phục hồi trên thị trường giao dịch HĐTL tiếp tục được kéo dài sang phiên thứ 2 với cả 3 hợp đồng còn được giao dịch trên thị trường đóng cửa ghi nhận mức tăng từ 7,4 đến 8 điểm, tương đương với mức tăng 7,5 điểm của chỉ số cơ bản VN30. Do đó, basis của các hợp đồng thay đổi không đáng kể so với phiên liền trước. Cụ thể, hợp đồng VN30F2002 hiện thấp hơn 1,2 điểm so với VN30. Trong khi đó, basis của hợp đồng kỳ hạn xa nhất VN30F2009 hiện đang ở mức +3,6 điểm.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng tương lai cũng chỉ dao động nhẹ trong phiên giao dịch ngày hôm nay, hiện nằm trong khoảng từ +3,2 điểm đến +4,8 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Phiên mai, hợp đồng mới VN30F2004 sẽ được đưa vào giao dịch khiến cấu trúc kỳ hạn các hợp đồng trên thị trường thay đổi, do đó, nhà đầu tư nên theo dõi diễn biến các hợp đồng, và hạn chế giao dịch chênh lệch giá, kiên nhẫn chờ đợi những tín hiệu mua bán rõ ràng hơn.

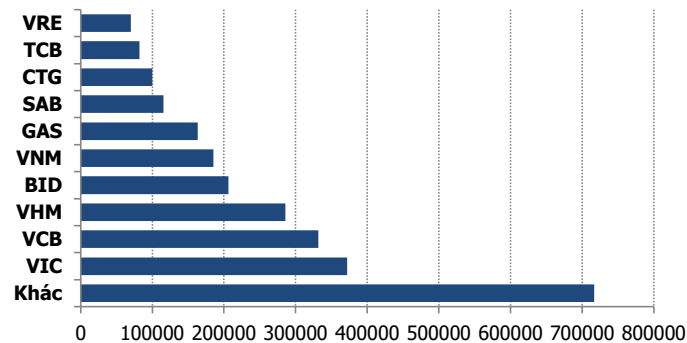
DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL



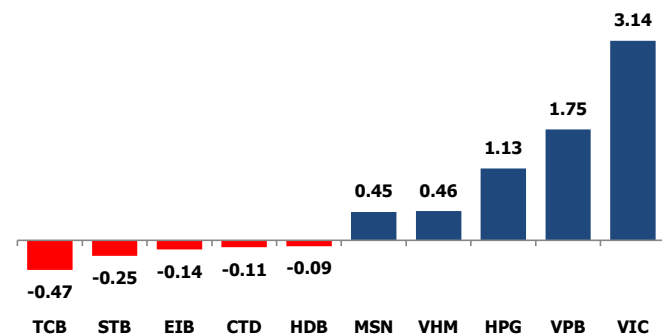
THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 938.13 | 871.4 |
| Thay đổi | 9.37 | 7.56 |
| %Chg | 1.01 | 0.88 |
| YTD | -2.38 | -0.87 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 3,211.55 | 2,629.69 |
| P/E | 14.59 | 12.26 |
| P/B | 2.17 | 2.05 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Trong ngày đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 2, thị trường đã có nhịp bật tăng đáng chú ý trong phiên chiều, với điểm nhấn thuộc về diễn biến của nhóm cổ phiếu Vingroup. Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất thị trường VIC trong phiên sáng giao dịch cầm chừng và đứng tham chiếu đã bật mạnh trong phiên chiều, đóng cửa ở mức cao nhất ngày +4,8% lên 110.000 đồng. 2 mã khác trong nhóm Vingroup cũng hỗ trợ tích cực với VRE +2,5% và VHM +1,1%.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 7,56 điểm (+0,88%) lên 871,40 điểm. Hệ số tăng/giảm ghi nhận có 17 mã tăng/07 mã giảm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 61,11 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 1.717 tỷ đồng.
- Giao dịch khối ngoại không thực sự tích cực khi họ bán ròng 357 tỷ đồng trên toàn thị trường, đây là phiên bán ròng thứ 8 liên tiếp. Lực bán tập trung ở các mã như: CTG (99,23 tỷ đồng), MSN (32,34 tỷ đồng), E1VFN30 (21,86 tỷ đồng), PVD (19,93 tỷ đồng), KBC (15,77 tỷ đồng),...

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 938.13 | 1.01 | 14.59 | (2.38) |
| Dow Jones | 29,219.98 | (0.44) | 20.75 | 2.39 |
| S&P500 | 3,373.23 | (0.38) | 22.29 | 4.41 |
| Nikkei 225 | 23,457.73 | (0.09) | 20.69 | (0.84) |
| Shanghai | 3,030.15 | 1.84 | 14.58 | (0.65) |
| DAX | 13,664.00 | (0.91) | 25.72 | 3.13 |
| Vàng | 1,620.01 | 0.03 | | 6.77 |
| Dầu WTI | 53.79 | (0.17) | | (11.91) |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|-----------------------------------|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 17/02/2020 | | | |
| Nhật- GDP Q4/2019 | 0.10% | -0.90% | -1.60% |
| Thứ Ba- 18/02/2020 | | | |
| Anh- Thay đổi trợ cấp thất nghiệp | 14.9K | 22.6K | |
| Thứ Tư - 19/02/2020 | | | |
| Mỹ- PPI T1 | 0.20% | 0.10% | |
| Thứ Năm - 20/02/2020 | | | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ quay đầu giảm điểm vào ngày thứ Năm (20/02), với phần lớn đà sụt giảm đến từ một động thái bất ngờ lúc giữa phiên. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones giảm 128,05 điểm (tương đương 0,4%) xuống 29.219,98 điểm. Chỉ số này đã sụt khoảng từ 200 điểm đến 388 điểm xuống đáy trong phiên trong khoảng 2 phút trước khi hồi phục. Chỉ số S&P 500 giảm 0,4% xuống 3.373,23 điểm và chỉ số Nasdaq Composite giảm 0,7% còn 9.750,96 điểm.
- Giá dầu Brent tăng 0,3% lên 59,31 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 0,8% lên 53,94 USD/thùng. Giá hai loại dầu này từng lên cao nhất tháng 2 sau khi Ủy ban Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết tồn kho dầu thô tại Mỹ chỉ tăng 414.000 thùng trong tuần trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng dự báo của giới chuyên gia là 2.5 triệu thùng.
- Các hợp đồng vàng tương lai tăng phiên thứ 6 liên tiếp vào ngày thứ Năm (20/02) lên mức đóng cửa cao nhất trong 7 năm. Giá vàng giao tháng 4 tăng 0,5% lên chốt ở 1.620,5 USD/ounce, sau khi lên cao nhất kể từ tháng 2/2013 trong phiên giao dịch. Giá vàng giao ngay tăng 0,6% lên 1.620,78 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng tới VN30-Index thì sắc xanh của VIC và VPB là những nhân tố chính giúp chỉ số tăng điểm. Trong đó, chỉ riêng VIC đóng góp 3,25 điểm vào đà tăng của VN30-Index. Ở chiều ngược lại, sắc đỏ ở một số cổ phiếu TCB, STB, CTG,...khiến đà tăng của chỉ số bị thu hẹp.

Phân tích kỹ thuật cổ phiếu VPB



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|-----------------------------------|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| VNM | Food Producers | 9.20 | 106,400 | 0.00 | 1.13% | 66.728 | 0.00 | 19.25 | 6.80 |
| TCB | Banks | 8.37 | 23,500 | -0.63 | 2.58% | 69.521 | -0.47 | 8.84 | 1.40 |
| VIC | Real Estate Investment & Services | 7.93 | 110,000 | 4.76 | 4.76% | 37.852 | 3.14 | 69.20 | 4.72 |
| VPB | Banks | 7.63 | 28,550 | 2.70 | 2.15% | 112.682 | 1.75 | 8.54 | 1.73 |
| HPG | General Industrials | 6.16 | 23,750 | 2.15 | 2.15% | 122.651 | 1.13 | 9.40 | 1.43 |
| VJC | Travel & Leisure | 5.27 | 128,500 | 0.08 | 0.55% | 33.102 | 0.04 | 13.05 | 4.96 |
| MWG | Technology Hardware & Equipment | 5.10 | 110,600 | 0.09 | 1.09% | 50.096 | 0.04 | 13.29 | 4.34 |
| VHM | Real Estate Investment & Services | 5.08 | 86,900 | 1.05 | 1.63% | 23.444 | 0.46 | 16.43 | 5.42 |
| FPT | Fixed Line Telecommunications | 4.74 | 55,800 | 0.18 | 1.62% | 43.565 | 0.07 | 11.90 | 2.79 |
| MBB | Banks | 4.73 | 21,650 | 0.23 | 1.39% | 132.653 | 0.10 | 6.64 | 1.28 |
| VCB | Banks | 4.16 | 89,500 | 0.00 | 1.35% | 48.533 | 0.00 | 16.97 | 4.08 |
| MSN | Financial Services | 3.74 | 51,100 | 1.39 | 1.98% | 69.458 | 0.45 | 11.33 | 1.78 |
| STB | Banks | 3.19 | 11,300 | -0.88 | 3.13% | 80.995 | -0.25 | 7.33 | 0.78 |
| HDB | Banks | 3.00 | 28,400 | -0.35 | 1.24% | 32.552 | -0.09 | 9.80 | 1.78 |
| NVL | Real Estate Investment & Services | 2.83 | 54,500 | 0.74 | 1.66% | 23.346 | 0.18 | 17.10 | 2.47 |
| EIB | Banks | 2.81 | 17,200 | -0.58 | 1.45% | 1.104 | -0.14 | 33.26 | 1.34 |
| PNJ | General Retailers | 2.41 | 85,300 | -0.23 | 2.01% | 37.584 | -0.05 | 17.63 | 4.61 |
| VRE | General Retailers | 1.99 | 30,900 | 2.49 | 1.98% | 49.781 | 0.42 | 29.92 | 2.53 |
| SAB | Beverages | 1.99 | 180,000 | 1.12 | 0.89% | 50.425 | 0.19 | 24.44 | 6.46 |
| CTG | Banks | 1.41 | 26,900 | -0.37 | 3.94% | 244.581 | -0.05 | 16.39 | 1.35 |
| BID | Banks | 1.29 | 51,300 | 0.00 | 1.56% | 28.479 | 0.00 | 24.32 | 3.12 |
| GAS | Oil & Gas Producers | 1.28 | 85,300 | 0.00 | 3.29% | 17.029 | 0.00 | 14.49 | 3.58 |
| REE | Industrial Engineering | 0.95 | 35,650 | 1.42 | 1.71% | 29.043 | 0.12 | 6.35 | 1.11 |
| SBT | Food Producers | 0.91 | 22,000 | 0.00 | 3.21% | 53.286 | 0.00 | 50.05 | 1.80 |
| PLX | #N/A | 0.89 | 53,200 | 0.57 | 0.75% | 15.576 | 0.04 | 15.35 | 2.88 |
| SSI | Financial Services | 0.84 | 17,600 | 0.00 | 2.00% | 29.374 | 0.00 | 9.95 | 0.93 |
| POW | #N/A | 0.80 | 10,900 | 4.31 | 4.29% | 50.778 | 0.29 | 13.29 | 1.04 |
| BVH | Financial Services | 0.60 | 57,500 | 1.95 | 2.84% | 16.025 | 0.10 | 30.43 | 2.57 |
| ROS | Construction & Materials | 0.36 | 9,100 | 6.81 | 5.32% | 42.708 | 0.20 | 26.22 | 0.87 |
| CTD | Construction & Materials | 0.36 | 67,600 | -3.43 | 5.35% | 15.474 | -0.11 | 6.87 | 0.63 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bức giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Nguyễn Hòa Hợp | Chuyên viên nghiên cứu | hop.nguyenhoa@mbs.com.vn |